TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 436/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Đặng Thị Huê

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 698/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: A28/17B3 Ấp 1, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 115-117 XC, Phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Đặng Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Phan Thanh Đ chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có quan điểm sống trái ngược nhau, không thể hòa hợp từ suy nghĩ cho đến cách cư xử. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vả nhau nên không khí gia đình ngày càng trầm trọng. Bà T đã cho ông Đ cơ hội và thời gian để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Do tình cảm vợ

chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Phan Thị Thanh Tr sinh ngày 21/9/2008 và Phan Thị Yến N sinh ngày 16/4/2010. Do con chung đang sống cùng với bà nên sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông Đ. *Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn - bà Đặng Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – ông Phan Thanh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đặng Thị Thanh T và ông Phan Thanh Đ có đăng ký kết hôn, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Bị đơn là ông Phan Thanh Đ có đăng ký tạm trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà T.

Bị đơn ông Phan Thanh Đ, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/3/2008, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Đ xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau; ông Đ không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung nhưng không Đ được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà T và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà T xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà T và ông Đ đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông Đ đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông Đ đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung tên Phan Thị Thanh Tr sinh ngày 21/9/2008 và Phan Thị Yến N sinh ngày 16/4/20210. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hai con do bà chăm sóc nhỏ đến nay và các con hiện đang sống cùng bà. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo đơn xác nhận của Công an xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/3/2021 thể hiện "trẻ Phan Thị Thanh Tr và Phan Thị Yến N đang sống cùng bà T tại địa chỉ A28/17B3, tổ 13, ấp 1, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh". Đồng thời bà T cũng trình

bày bà có nơi ở, thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông Đ không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà T. Do đó, việc giao trẻ Trúc và Nhi cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh T về việc xin ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh T được ly hôn với ông Phan Thanh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 188, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/3/2008).

- Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Thị Thanh Tr sinh ngày 21/9/2008 và Phan Thị Yến N sinh ngày 16/4/2010. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Đặng Thị Thanh T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0044173 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Thanh T, ông Phan Thanh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga